

SỐ LOẠI GIAO TỬ: SỐ LOẠI GIAO TỬ CỦA CÁ THỂ CÓ KIỂU GEN DỊ HỢP $= 2^n$ TỈ LỆ TƯƠNG ĐƯƠNG

THÀNH PHẦN GEN CỦA GIAO TỬ: TRONG TẾ BÀO CỦA CƠ THỂ GEN TỒN TẠI THÀNH TỪNG CẶP CÒN TRONG GIAO TỬ CÒN MANG 1 GEN TRONG CẶP

1. Số kiểu tổ hợp : mỗi loại giao tử được tổ hợp tự do với giao tử cái tạo thành nhiều tổ hợp trong hợp tử.

Biết số kiểu tổ hợp từ đó biết được số loại giao tử đực và giao tử cái từ đó biết được số cặp gen trong KG của cha mẹ

Số loại và tỉ lệ phân li về kiểu gen, kiểu hình

Tỉ lệ kiểu gen chung của nhiều cặp gen= các tỉ lệ KG riêng của mỗi cặp gen nhân với nhau

Tỉ lệ KH chung= tỉ lệ KH riêng rẽ của mỗi cặp tính trạng nhân với nhau

Ví dụ viết các loại giao tử trong các trường hợp sau:

AAbb AaBb

Tính trạng trội hoàn toàn

PHÉP LAI	Tỉ lệ KG	Tỉ lệ Kh
AA X AA		
Aa x Aa		
Aa x aa		
AA x aa		
aa x aa		
AaBb x AAbb		

aabb x AaBb		
AaBb x AaBb		
Aabb x aabb		

VẬN DỤNG

- Cơ thể có KG **AABbCCDd** giảm phân tạo số giao tử tối đa là
- Cơ thể có KG **Aabb** giảm phân bình thường tạo các loại giao tử là
- Phép lai P: **AaBb x AaBb** sẽ cho thế hệ sau có KG và KH.
- Cho các cá thể có KG sau: (I)**AABb**; (II)**aaBB**; (III)**AaBb**; (IV)**AaBB**; (V)**AABB**
 Những cá thể có KG dị hợp là
- Phép lai P: **AaBbDd x aaBbDd**, thu được F1 có tỉ lệ KG **aaBbdd** là
- Cơ thể có KG **AaBbCCDd** giảm phân tạo số giao tử tối đa là
- Cơ thể có KG **aaBb** giảm phân bình thường tạo các loại giao tử là
- Phép lai P: **Aabb x AaBb** sẽ cho thế hệ sau có KG và KH.
- Cho các cá thể có KG sau: (I)**AaBb**; (II)**AaBB**; (III)**AAbb**; (IV)**aaBB**; (V)**AABb**
 Những cá thể có KG dị hợp là
- Phép lai P: **AaBbDd x AABbDd**, thu được F1 có tỉ lệ KG **Aabbdd** là